

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BÉ VUI ĐẾN TRƯỜNG
(Thời gian thực hiện 3 tuần: từ ngày 8/09 - 26/9/2025)

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Đ/C
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
* Phát triển vận động				
1	- Trẻ có khả năng thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Cơ tay và bả vai: - Hai tay giơ cao hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: - Nghiêng người sang 2 bên - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên	- Hoạt động chơi - tập có chủ định - Thể dục sáng: - Hô hấp: Hít vào thở ra - Cơ tay và bả vai: - 2 tay giơ lên cao hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: - Nghiêng người sang 2 bên. - Chân: - Ngồi xổm đứng lên - HDC - Trò chơi: Gieo hạt, dấu tay, chim bay	
2	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng trong vận động đi trong đường hẹp.	- Đi trong đường hẹp	- Hoạt động chơi - tập có chủ định. - VĐ: Đi trong đường hẹp. - TCVD: Dung dăng dung dề	
3	- Trẻ có thể phối hợp vận động tay- mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m	- Tung bắt bóng cùng cô	- Hoạt động chơi - tập có chủ định - VĐ: Tung bắt bóng cùng cô - TCVD: Đoàn tàu nhỏ xíu	
4	- Trẻ có thể phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng	- Hoạt động chơi - tập có chủ định - VĐ: Bò thẳng hướng và có vật trên lưng	

	đặt trên lưng.		- TCVD: đoàn tàu nhỏ xúi	
6	- Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"	+ Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau - Xâu vòng, lấy cát đồ chơi.	* Hoạt động với đồ vật: - Xé vụn giấy - Chơi với đất nặn, giấy lá..	
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nặn, xâu vòng, xé			
* Dinh dưỡng và sức khỏe				
8	- Trẻ có khả năng thích nghi với chế độ với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau	* Hoạt động ăn, vệ sinh. - Vệ sinh rửa tay, rửa mặt - Trẻ ngồi vào bàn ăn - Tổ chức giờ ăn cho trẻ làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau của địa phương: cá, thịt gà, rau, canh....	
9	- Trẻ có thể ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa	* Hoạt động ngủ: - Tổ chức giờ ngủ cho trẻ: Luyện cho trẻ thói quen ngủ 1 giấc trưa 140 - 150 phút.	
10	-Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh	* Hoạt động vệ sinh - Trẻ tự biết đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói khi muốn đi vệ sinh	
11	Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn(lấy nước uống,đi vệ sinh...)	- Tự phục vụ; +Xúc cơm,uống nước. +Mặc quần áo,cởi quần áo khi bị bẩn,bị ướt. +Đi dép,đi vệ sinh +Chuẩn bị chỗ ngủ. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín,uống	* Hoạt động tự phục vụ - Trẻ biết tự xúc cơm ăn - Khi muốn uống nước tự đi lấy nước uống - Biết khi nóng biết cởi quần áo - Biết rửa tay trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh	

		sôi,rửa tay trước khi ăn + Vứt rác đúng nơi quy định		
13	-Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun,phích nước nóng,bàn là,sô nước,giếng nước)	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: giao,kéo,vật sắc nhọn bình nước nóng -Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần:ổ điện,bếp đang đun,giếng,ao,mương, suối,cầu..	* Hoạt động vệ sinh - Tập cho trẻ khi rửa tay xong không nghịch xô, châu, xô đựng nước	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

15	- Trẻ có thể sờ nắn, nhìn, nghe, nếm... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... để nhận biết đặc điểm nổi bật tên gọi, màu sắc, hình dạng ... của đồ vật: Bàn, ghế, quả bóng.. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn: canh, món xào, món luộc (mặn, chua)..., quả (ngọt, chua)	* Hoạt động chơi tập có chủ định - Nhận biết đồ dùng đồ chơi của lớp - Nhận biết , bóng, búp bê - Nhận biết bàn ghế - Trẻ nhận biết một số món ăn canh rau ngót, canh rau cải, chanh bí đỏ.. - Món thịt rim đậu, trứng rán, cá hộp..	
16	- Trẻ có thể chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.sử dụng được một số đồ dùng,đồ chơi quen thuộc	-Bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi - Tên,đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi quen thuộc - Đồ chơi,đồ dùng của bản thân bạn trai:	* Hoạt động góc - Bắt chước thao tác bế em , bế Búp bê, ru em ngủ Cho em ăn * Hoạt động chơi - Chơi với búp bê, gấu, đồ dùng nấu ăn - Đồ chơi bé thích - Đếm quần áo	

		bóng,ô tô...bạn gái: búp bê,nấu ăn..		
17	- Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và công việc của những người gần gũi: Cô y sỹ, cấp dưỡng - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp; cô cấp dưỡng, cô y sỹ	`Hoạt động chơi - tập - Nhận biết tên cô, tên bạn trong lớp * Hoạt động chơi - Xem video về công việc của cô giáo, các cô bác trong trường mầm non	
19	- Trẻ có thể nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật,hoa quả ,con vật quen thuộc	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật,quen thuộc của địa phương - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của hoa quen thuộc ở địa phương - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của quả quen thuộc ở địa phương Tên và một vài đặc điểm nổi bật công dụng của phương tiện giao thông gần gũi xe đạp,xe máy,ô tô,công nông...	* Hoạt động góc - Chơi góc bán hàng bán các loại quả, một số con vật quen thuộc	
20	- Trẻ có thể/chỉ hoặc nẩy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ,vàng,xanh	- Nhận biết màu đỏ,xanh,vàng	-Xâu vòng màu vàng,đỏ,xanh - TCTV màu đỏ,xanh,vàng	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
22	- Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 1-2 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay?...”	- Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	* Hoạt động chơi: Chơi ở các khu vực chơi + Chơi theo ý thích - TC: Nghe tiếng hát lấy đồ vật tương ứng.	

24	- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản trả lời câu hỏi về tên chuyện tên và hành động của các nhân vật	- Nghe các chuyện ngắn - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - kể lại đoạn chuyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý từ cô giáo - xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh	* Hoạt động chơi - xem tranh gọi tên trong tranh	
26	- Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3-4 tiếng: Thơ: Bé đi nhà trẻ; Chào ; Đi học ngoan; Vườn trẻ	* Chơi – tập có chủ định - Thơ: Em đi vườn trẻ - Thơ: Bạn mới - Thơ : Đi học ngoan	
27	- Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5,7 từ có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm quen thuộc	- Trẻ thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài		

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé)	– Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai (bế em, cho em ăn...)	* Hoạt động chơi: Chơi ở các khu vực chơi - Góc thao tác vai: bế em, ru em ngủ, cho em ăn. - Góc HĐVĐV: lồng hộp, xâu vòng, xếp hình. - Góc vận động: Chơi với bóng, vòng, kéo ô tô - TCTV: bế em, ru em, cho em ăn, cho em ngủ	
40	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; - Thích nghe hát - Hát và tập vận động	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - Dạy hát : Lời chào buổi sáng - Nghe hát: Cô và mẹ	

		đơn giản theo nhạc.	- Biểu diễn văn nghệ * Hoạt động ngủ: - Nghe nhạc hát ru.	
41	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh cầm bút di màu, vẽ nguyệt lịch (ngoặc).	- Xếp hình từ các khối gỗ. - Xé vụn giấy	- Hoạt động chơi - tập có chủ định; Hoạt động chơi - Xé vụn giấy - Xếp đường đi	

Giáo Viên

Ban Giám Hiệu

Lê Thị Loan

Nguyễn Hồng Vân